

Phụ lục I
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (PAR INDEX CẤP TỈNH)
VỀ PHÂN CẤP VÀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH, CẢI CÁCH
TỔ CHỨC BỘ MÁY, CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /12/2024 của UBND tỉnh)

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình kết quả tự đánh giá và tài liệu kiểm chứng
1.	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC	5.00		
1.1.	Thực hiện kế hoạch CCHC	1.50		
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch b là số nhiệm vụ đã hoàn thành Nếu tỷ lệ $b/a < 0.8$ thì điểm đánh giá là 0			
1.2.	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	0.50		
	Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn theo quy định: 0.5			
	Thực hiện không đầy đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo: 0			
1.3.	Công tác kiểm tra CCHC	2.00		
1.3.1.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn (CQCM) cấp tỉnh và đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện được kiểm tra trong năm	1.00		
	Từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên: 1			
	Từ 20% - dưới 30% số cơ quan, đơn vị: 0.5			
	Dưới 20% số cơ quan, đơn vị: 0			
1.3.2.	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1.00		
	Tính điểm theo công thức: $(b/a \times 1.00 + c/a \times 0.50)$. Trong đó: a là tổng số vấn đề phải xử lý b là số vấn đề đã hoàn thành việc xử lý c là số vấn đề đã xử lý nhưng chưa hoàn thành Trường hợp $a = 0$ thì đạt điểm tối đa.			
1.4.	Công tác tuyên truyền CCHC	1.00		
	Tuyên truyền CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: 0.5			
	Tuyên truyền CCHC thông qua các hình thức khác: 0.5			
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY	6.50		
4.1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị	3.50		
4.1.1.	Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các CQCM cấp tỉnh và phòng chuyên môn cấp huyện	1.00		
	Kịp thời, đúng quy định: 1			
	Không kịp thời hoặc không đúng quy định: 0			
4.1.2.	Thực hiện cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ	1.50		

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình kết quả tự đánh giá và tài liệu kiểm chứng
	quan hành chính theo các tiêu chí			
	100% số sở và tương đương có cơ cấu số lượng lãnh đạo đáp ứng tiêu chí do Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền quy định: 0.5			
	100% phòng thuộc sở và tương đương có cơ cấu số lượng lãnh đạo đáp ứng tiêu chí: 0.5			
	100% số phòng thuộc UBND cấp huyện có cơ cấu số lượng lãnh đạo đáp ứng tiêu chí: 0.5			
4.1.3.	Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021	1.00		
	Đạt tỷ lệ từ 10% trở lên: 1			
	Đạt tỷ lệ dưới 10% thì điểm đánh giá được tính theo công thức Tỷ lệ % giảm ĐVSN x điểm tối đa [10%			
4.2.	Thực hiện các quy định về quản lý biên chế	1.00		
4.2.1.	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	0.50		
	Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao:0.5			
	Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 0			
4.2.2.	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	0.50		
	Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao:0.5			
	Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao:0			
4.3.	Thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước (Phân cấp quản lý về: Tổ chức bộ máy)	2.00		
4.3.1.	Thực hiện các quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	0.50		
	Thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định: 0.5			
	Thực hiện không đầy đủ hoặc không kịp thời: 0			
4.3.2.	Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp, phân quyền cho cấp huyện, cấp xã	0.50		
	Có thực hiện: 0.5			
	Không thực hiện: 0			
4.3.3.	Xử lý các vấn đề về phân cấp, phân quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	1.00		

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình kết quả tự đánh giá và tài liệu kiểm chứng
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>			
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	6.00		
5.1.	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	1.75		
5.1.1.	Cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý	0.25		
	<i>Đầy đủ, kịp thời: 0.25</i>			
	<i>Chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời: 0</i>			
5.1.2.	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0.75		
	<i>100% số cơ quan, tổ chức: 0.75</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, tổ chức: 0.5</i>			
	<i>Từ 60% - dưới 80% số cơ quan, tổ chức: 0.25</i>			
	<i>Dưới 60% số cơ quan, tổ chức: 0</i>			
5.1.3.	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0.75		
	<i>100% số đơn vị: 0.75</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 0.5</i>			
	<i>Từ 60% - dưới 80% số đơn vị: 0.25</i>			
	<i>Dưới 60% số đơn vị: 0</i>			
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức	0.50		
5.2.1.	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện, cấp xã	0.25		
	<i>Đúng quy định: 0.25</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0</i>			
5.2.2.	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	0.25		
	<i>Đúng quy định: 0.25</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0</i>			
5.3.	Bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý	0.75		
5.3.1.	Thực hiện quy định về bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý	0.75		
	<i>100% số lãnh đạo cấp sở và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 0.25</i>			
	<i>100% số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 0.25</i>			
	<i>100% số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện được bổ nhiệm đúng quy định: 0.25</i>			
5.4.	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	1.50		

Stt	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Giải trình kết quả tự đánh giá và tài liệu kiểm chứng
	<i>Trong năm KHÔNG CÓ Ủy viên thường vụ Tỉnh ủy, lãnh đạo UBND tỉnh và tương đương bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 0.5</i>			
	<i>Trong năm KHÔNG CÓ lãnh đạo cấp sở, ngành, huyện và tương đương bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 0.5</i>			
	<i>Trong năm KHÔNG CÓ lãnh đạo cấp phòng thuộc QCCM cấp tỉnh, UBND cấp huyện và tương đương bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 0.5</i>			
5.5.	Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	1.00		
5.5.1.	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1.00		
	<i>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \cdot \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số chỉ tiêu, nhiệm vụ đặt ra theo kế hoạch năm b là số chỉ tiêu, nhiệm vụ đã hoàn thành Trường hợp tỷ lệ $b/a < 0.80$ thì điểm đánh giá là 0</i>			
5.6.	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã	0.50		
	<i>100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0.25</i>			
	<i>100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0.25</i>			
	TỔNG ĐIỂM	17.50		